

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-6-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Hồng Thắm

2. Ông Vũ Đình Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2020/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2020/QĐXXST - HNGĐ, ngày 24 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cao Nữ Hạnh D - Sinh năm 1986.

Nơi ĐKKHKT: Đội 7, xã Y, huyện Y, tỉnh N..

Địa chỉ hiện nay: Xã X, huyện M, tỉnh Q.

Bị đơn: Anh Đinh Văn Đ - Sinh năm 1983.

Địa chỉ: Đội 7, xã Y, huyện Y, tỉnh N..

Tại phiên tòa: Chị D và anh Đ vắng mặt (chị D, anh Đ xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2020, bản tự khai đề ngày 30/3/2020, nguyên đơn Chị Cao Nữ Hạnh D trình bày:

Chị kết hôn với Anh Đinh Văn Đ năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh N. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên đánh, cãi, chửi nhau. Chị và anh Đ đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Chị xác định mâu thuẫn đã vô cùng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là Đinh Hoàng Gia B , sinh ngày 15/3/2012. Chị đề nghị được nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Theo Bản tự khai đề ngày 01/6/2020; đơn đề nghị đề ngày 17/4/2020, bị đơn Anh Đinh Văn Đ trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn, anh Đ trình bày phù hợp với lời khai của chị D. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi, chửi nhau. Anh và Chị D sống ly thân từ năm 2013 không quan tâm gì đến nhau nữa. Chị D xin ly hôn anh cũng nhất trí vì anh xác định vợ chồng không thể hàn gắn với nhau được nữa.

Về con chung: Anh Đ xác nhận anh chị có 01 con chung như Chị D đã trình bày. Anh đồng ý để Chị D nuôi con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh đề nghị anh chị tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị D, anh Đ cùng xin giải quyết vắng mặt, riêng anh Đ có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên sau khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ Toà án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Chủ tọa phiên tòa công bố nội dung đơn của chị D, anh Đ đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn” do nguyên đơn Chị Cao Nữ Hạnh D thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn Anh Đinh Văn Đ có nơi cư trú tại Đội 7, xã Y, huyện Y, tỉnh N. nên căn cứ vào Điều 28, Điều 35,

Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị D, anh Đ đều có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị D, anh Đ được xác lập vào năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh N là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, to tiếng. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh Đ, anh Đ cũng đồng ý. Xét thấy quan hệ hôn nhân của anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị D xử cho chị D, anh Đ ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị D, anh Đ có 01 con chung là Đinh Hoàng Gia B, sinh ngày 15/3/2012. Chị D có nguyện vọng được nuôi con chung, anh Đ cũng đồng ý. Chị D, anh Đ đều thống nhất tự giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét nguyện vọng của chị D, anh Đ đã thống nhất việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy nên giao cháu Bảo cho Chị D trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung HĐXX không đề cập giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung và các vấn đề khác trong hôn nhân: Chị D, anh Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5]. Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ và các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 147, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa Chị Cao Nữ Hạnh D và anh Đinh Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là Đinh Hoàng Gia B , sinh ngày 15/3/2012 cho Chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị D, anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị D, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị D phải nộp là 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng Chị D đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001421, ngày 24/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên. Chị D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Cao Nữ Hạnh D và Anh Đinh Văn Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh+Huyện: 02 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 02 bản;
- UBND xã Yên Phương: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu VP.

Nguyễn Thị Minh Tâm